TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 212/2023/DS-PT
Ngày: 18-8-2023
V/v: "Tranh chấp thừa kế tài sản và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tự

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tiến

Ông Đinh Phước Hoà

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đinh Thị Trang, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Nam Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 68/2023/TLPT- DS ngày 04 tháng 5 năm 2023 về việc: *"Tranh chấp thừa kế tài sản và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 09/02/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk bị kháng cáo.

Giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Bà Nguyễn Thị D

Địa chỉ: Thôn X, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bà Nguyễn Thị Thúy

Địa chỉ: Thôn X, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

3. Bà Nguyễn Thị Kiều

Địa chỉ: Thôn X, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

4. Bà Nguyễn Thị H

Địa chỉ: Thôn X, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị D*, bà* Nguyễn Thị T*, bà* Nguyễn Thị K*:* Bà Nguyễn Thị H (theo văn bản ủy quyền ngày 26/5/2021).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Tiến T1 - Văn phòng L3, Đoàn Luật sư tỉnh Đ.

Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu H1

Địa chỉ: Thôn X, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Hoàng Thị T2 - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đ **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Nguyễn Hữu T3

Địa chỉ: Thôn X, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bà Nguyễn Thị H2, ông Nguyễn Hữu C, ông Nguyễn Hữu L

Cùng địa chỉ: Thôn X, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H2*, ông* Nguyễn Hữu C*:* Ông Nguyễn Hữu L (theo văn bản ủy quyền ngày 05/8/2021).

3. Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Minh T4 - Phó trưởng phòng Tài nguyên Môi trường huyện K, tỉnh Đắk Lắk (theo văn bản ủy quyền ngày 27/5/2021).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND huyện K*:* Ông Nguyễn Đại D1 và ông Đoàn Minh H3 - Chuyên viên phòng Tài nguyên và Môi trường huyện K;

4. Ủy ban nhân dân xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lương Công N - Cán bộ tư pháp xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ: Thôn X, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

5. Bà Đoàn Thị H4, anh Nguyễn Hữu H5, anh Nguyễn Hữu H6 và anh Nguyễn Hữu H7.

Cùng địa chỉ: Thôn X, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

6. Bà Lê Thị L1.

Địa chỉ: Thôn X, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị H (theo văn bản ủy quyền ngày 26/5/2021)

7. Bà Trần Thị K1.

Địa chỉ: Đ thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người kháng cáo: bị đơn ông Nguyễn Hữu H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 27/4/2021 và quá trình tham gia giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Đ*, bà* Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị K *và bà* Nguyễn Thị H *trình bày:*

Các bà là con đẻ ông Nguyễn T5 và bà Lê Thị L1; Quyền sử dụng đất, đối với thửa đất số 01, tờ bản đồ số 12 và thửa đất số số 81, tờ bản đồ số 04, tại thôn X, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk là tài sản chung của vợ chồng ông T5, bà L1; ông T5 và bà L1 có 08 người con chung là bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1956; ông Nguyễn Hữu G, sinh năm 1959 (đã chết năm 1994), ông G có 03 người con là Hữu Hữu L, Nguyễn Thị H2 và Nguyễn Hữu C; ông Nguyễn Hữu T3, sinh năm 1960; bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1967; bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1969; bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1971; ông Nguyễn Hữu H8, sinh năm 1973 (đã chết năm 2017), ông H8 có vợ là bà Đoàn Thị H4 và 03 người con là Nguyễn Hữu H5, Nguyễn Hữu H6 và Nguyễn Hữu H7; Nguyễn Hữu H1, sinh năm 1977; ông T5 còn có 01 người con riêng là bà Trần Thị K1.

Ông T5 chết ngày 04/4/2001, không để lại di chúc và để lại di sản trong tài sản chung với bà L1, là quyền sử dụng đất đối với hai thửa đất nêu trên; Sau khi ông T5 chết, bà L1 xây dựng ngôi nhà trên thửa đất số 01 và sống chung với ông H1; Năm 2011, ông H1 đã đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 01 và được và được UBND huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 790726 cho ông H1 vào ngày 19/5/2011; Việc UBND huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H1 đối với thửa đất số 01 là trái với quy định của pháp luật; mặc dù các bà đã nhiều lần yêu cầu ông H1 chia di sản ông T5 để lại là quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất nêu trên nhưng ông H1 không đồng ý.

Vì vậy, các bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 790726, do UBND huyện K cấp cho ông H1 vào ngày 19/5/2011 đối với thửa đất số 01 và chia di sản ông T5 để lại là quyền sử dụng đất, đối với thửa đất số 01 tờ bản đồ số 12 và thửa đất số 81, tờ bản đồ số 04 cho những người thừa kế theo pháp luật.

Bà T, bà K và bà Hoài t cho bà D phần di sản mà các bà được chia thừa kế.

Bị đơn là ông Nguyễn Hữu H1 *trình bày:*

Ông là con đẻ của ông Nguyễn T5 và và bà Lê Thị L1; Quyền sử dụng đất, đối với thửa đất số 01, tờ bản đồ số 12 và thửa đất số số 81, tờ bản đồ số 04, tại thôn X, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk là tài sản chung của vợ chồng ông T5, bà L1, đúng như nguyên đơn đã trình bày; Sau khi bố của ông chết, năm 2004, mẹ ông và các anh chị em trong gia đình đã họp và thống nhất giao cho ông được toàn quyền sở hữu quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, đối với 02 thửa đất nêu trên. Vì vậy, ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu T3 *trình bày:*

Ông là con đẻ của ông Nguyễn T5 và và bà Lê Thị L1; Quyền sử dụng đất, đối với thửa đất số 01, tờ bản đồ số 12 và thửa đất số số 81, tờ bản đồ số 04, tại thôn X, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk là tài sản chung của vợ chồng ông T5, bà L1; Sau khi bố của ông chết, mẹ ông và các anh chị em trong gia đình đã họp và thống nhất giao cho ông Nguyễn Hữu H9 được toàn quyền sở hữu quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, đối với 02 thửa đất nêu trên.Việc bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị K và bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu chia di

sản ông T5 để lại là quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất nêu trên, ông từ chối nhận di sản; phần di sản ông được hưởng, ông tặng cho em trai của ông là ông Nguyễn Hữu H1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đoàn Thị H4*, ông* Nguyễn Hữu H6, Nguyễn Hữu H5 *và* Nguyễn Hữu H7 *trình bày:*

Bà H4 là vợ ông Nguyễn Hữu H8 (đã chết năm 2017); ông H8 là con đẻ của ông T5 và bà L1; ông H6, ông H5, ông H7 là cháu nội ông T5. Việc các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản ông T5 để lại là quyền sử dụng đất, đối với thửa đất số 01, tờ bản đồ số 12 và thửa đất số số 81, tờ bản đồ số 04, tại thôn X, xã P, huyện K, bà và các ông, từ chối nhận phần di sản mà ông H8 được chia thừa kế; bà và các ông tặng cho ông Nguyễn Hữu H1 phần di sản mà ông H8 được chia thừa kế.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND xã P, huyện K *trình bày:*

Ngày 03/3/2011, bà Lê Thị L1, ông Nguyễn Hữu T3, ông Nguyễn Hữu H8 và ông Nguyễn Hữu H1 đến UBND xã P đề nghị chứng thực văn bản bà L1, ông T3, ông H8 từ chối nhận di sản ông T5 chết để lại là quyền sử dụng đất, đối với thửa đất số 01, tờ bản đồ số 12, tại xã P, huyện K và giao cho ông H1 được toàn quyền sử dụng thửa đất nêu trên, nên UBND xã P đã chứng thực vào các văn bản nêu trên.

Quá trình tham gia giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND huyện K trình bày: Ông Nguyễn T5 chết vào ngày 04/4/2001; Ngày 03/3/2011, bà Lê Thị L1 là vợ ông T5; ông Nguyễn Hữu T3 và ông Nguyễn Hữu H8, đến UBND xã P chứng thực văn bản từ chối nhận di sản ông T5 chết để lại là quyền sử dụng đất, đối với thửa đất số 01, tờ bản đồ số 12, tại xã P, huyện K và giao cho ông H1 được toàn quyền sử dụng thửa đất nêu trên. Vì vậy, ngày 19/5/2011, UBND huyện K đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 790726, cho ông Nguyễn Hữu H1 đối với thửa đất số 01.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H2*, ông* Nguyễn Hữu C *và ông* Nguyễn Hữu L *trình:*

Bà và các ông là con đẻ ông Nguyễn Hữu G (đã chết năm 1994), là cháu nội ông T5. Việc các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản ông T5 để lại là quyền sử dụng đất, đối với thửa đất số 01, tờ bản đồ số 12 và thửa đất số số 81, tờ bản đồ số 04, tại thôn X, xã P, huyện K, bà và các ông, từ chối nhận phần di sản được chia thừa kế; Bà H2 và ông Chí t1 cho ông Nguyễn Hữu L phần di sản mà bà và các ông được thừa kế.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị K1 *trình bày:*

Bà là con đẻ của ông Nguyễn T5 và bà Trần Thị T6; mẹ của bà đã chết; Việc các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản ông T5 để lại là quyền sử dụng đất, đối với thửa đất số 01, tờ bản đồ số 12 và thửa đất số số 81, tờ bản đồ số 04, tại thôn X, xã P, huyện K, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và giao cho bà trị giá tài sản mà bà được thừa kế.

Trong đơn yêu cầu ngày 15/10/2021 và quá trình tham gia giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị L1 *trình bày:*

Bà là vợ ông Nguyễn T5, là mẹ ông Nguyễn Hữu H1; Quyền sử dụng đất, đối với thửa đất số 01, tờ bản đồ số 12 và thửa đất số số 81, tờ bản đồ số 04, tại thôn X, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk là tài sản chung của vợ chồng bà; ông T5 chết ngày 04/4/2001, không để lại di chúc và để lại di sản là ½ quyền sử dụng đất, đối với 02 thửa đất nêu trên; Sau khi ông T5 chết, ông H1 lấy vợ và sống chung với bà; năm 2003, bà giao cho vợ chồng ông H1 canh tác và thu hoạch cây Cà Phê trên 02 thửa đất nêu trên và hàng năm phải trả cho bà 300kg cà phê nhân nhưng từ năm 2015 đến nay, vợ chồng ông H1 không trả cà phê nhân cho bà; Việc UBND huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 790727 cho ông H1 vào ngày 19/5/2011, đối với thửa đất số 01 là trái với quy định của pháp luật; vì bà chưa bào giờ tặng cho ông H1 quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 01. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 790727 do UBND huyện K cấp cho ông H1 vào ngày 19/5/2011 đối với thửa đất số 01, tờ bản đồ số 12; buộc vợ chồng ông Nguyễn Hữu H1, bà Nguyễn Thị L2 trả lại cho bà ½ quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 01 và thửa đất số 81; Chia di sản ông T5 chết để lại là ½ quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất nêu trên cho những người thừa kế theo pháp luật. Tại phiên tòa bà rút yêu cầu khởi kiện về việc buộc vợ chồng ông Nguyễn Hữu H1, bà Nguyễn Thị L2 trả lại cho bà ½ quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 01 và thửa đất số 81

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 09/02/2023 (được sửa chữa, bổ sung tại Quyết định số 54/2023/QĐ-SCBSBA ngày 13/6/2023), Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk đã quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 157; khoản 2 Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 637, Điều 641, Điều 643, điểm a khoản 1 Điều 678, Điều 679, Điều 680 Bộ luật Dân sự năm 1995; điểm c khoản 1 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị H và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị L1.

1. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở tài sản khác gắn liền với đất số BA 790726, do UBND huyện K cấp cho ông Nguyễn Hữu H1 vào ngày 19/5/2011, đối với thửa đất số 01, tờ bản đồ số 12, tại thôn X, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Di sản ông Nguyễn T5 để lại là ½ trị giá quyền sử dụng đất, đối với thửa đất số 01, tờ bản đồ số 12 và thửa đất số 81, tờ bản đồ số 04, tại thôn X, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; trị giá 2.256.000.000đ.

1. Chia cho bà Lê Thị L1 được thừa kế phần di sản của ông Nguyễn T5 theo pháp luật là 205.091.000đ và thừa kế phần di sản của ông Nguyễn Hữu H8 theo pháp luật là 41.018.200đ, tổng cộng 246.109.200đ.

2. Chia cho bà Nguyễn Thị D được thừa kế phần di sản của ông Nguyễn T5 theo pháp luật là 205.091.000đ; bà Đ được nhận phần di sản bà Nguyễn Thị T,

Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị Hoài t2 cho tổng cộng 615.273.000đ; Tổng giá trị tài sản bà Đ được nhận là 820.364.000đ.

3. Chia cho ông Nguyễn Hữu H1 được thừa kế phần di sản của ông Nguyễn T5 theo pháp luật là 205.091.000đ; ông H1 được nhận phần di sản ông Nguyễn Hữu T3 tặng cho 205.091.000đ; được nhận phần di sản bà Đoàn Thị H4, Nguyễn Hữu H5, Nguyễn Hữu H6 và Nguyễn Hữu H7 tặng cho tổng cộng 164.072.800đ; được hưởng thù lao quản lý di sản 205.090.000đ; Tổng giá trị tài sản ông H1 được nhận là 779.344.800đ.

4. Chia cho bà Trần Thị K1 được thừa kế phần di sản của ông Nguyễn T5 theo pháp luật là 205.091.000đ.

5. Chia cho bà Nguyễn Thị H2, ông Nguyễn Hữu C và ông Nguyễn Hữu L, được thừa kế phần di sản của ông Nguyễn T5 theo pháp luật là 205.091.000đ; mỗi người được chia phần di sản là 68.363.000đ.

6. Giao cho bà Lê Thị L1 được quyền sở hữu quyền sử dụng đất, đối với thửa đất số 01, tờ bản đồ số 12, diện tích 4.369m^2 tại thôn X, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, trị giá 2.398.000.000đ và tài sản gắn liền trên đất của gia đình ông H1 trị giá 390.901.000đ; Tổng trị giá tài sản là 2.788.901.000đ.

Thửa đất số 01, tờ bản đồ số 12 có tứ cận: hướng Bắc giáp tỉnh lộ, có cạnh dài 22,7m; hướng Nam giáp thưa đất số 81, có canh dài 29,7m; hướng Đông giáp đường bê tông, có cạnh dài 195,3m; hướng Tây giáp đất ông Nguyễn T7, có cạnh dài 206,1m.

7. Giao cho bà Nguyễn Thị D được quyền sở hữu quyền sử dụng đất, đối với 3.000,5m^2 đất, thuộc thửa đất số 81, tờ bản đồ số 04, tại thôn X, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, trị giá 1.057.000.000đ và tài sản gắn liền trên đất trị giá là 444.305.000đ; tổng trị giá tài sản 1.501.305.000đ.

Diện tích đất giao cho bà D có tứ cận: hướng Bắc giáp thửa đất số 01, có cạnh dài 29,7m; hướng Nam giáp đất giao cho ông H1, có cạnh dài 64,7m; hướng Đông giáp đường bê tông có cạnh dài 64,3m; hướng Tây giáp thửa đất số 74, có cạnh dài 71,9m.

8. Giao cho ông Nguyễn Hữu H1 được quyền sở hữu quyền sử dụng đất, đối với 3.000,5m^2 đất, thuộc thửa đất số 81, tờ bản đồ số 04, tại thôn X, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, trị giá 1.057.000.000đ và tài sản gắn liền trên đất.

Diện tích đất giao cho ông H1 có tứ cận: hướng Bắc giáp đất giao cho bà Đ, có canh dài 64,7m; hướng Nam giáp thửa đất số 128, có canh dài 64,7m; hướng Đông giáp đường bê tông, có cạnh dài 41,5m; hướng Tây giáp thửa đất số 74, có cạnh dài 22,8m và giáp thửa số 128, có cạnh dài 26,1m.

9. Buộc bà Nguyễn Thị D phải thanh toán cho bà Trần Thị Kim 2; thanh toán cho bà Nguyễn Thị H2, ông Nguyễn Hữu C và ông Nguyễn Hữu L, mỗi người 68.363.600đ; thanh toán cho ông Nguyễn Hữu H1 270.759.000đ.

10. Buộc bà Lê Thị L1 phải thanh toán cho ông Nguyễn Hữu H1 286.791.800đ.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và thi hành án theo quy định của pháp luật.

Kháng cáo

Ngày 21/02/2003, bị đơn ông *Nguyễn Hữu H1* nộp đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, lý do kháng cáo:

- Ông *H1* không đồng ý với mức giá mà Hội đồng định giá áp dụng với tài sản trên đất của ông, thấp so với số vốn ông đã bỏ ra để tạo dựng.
- Ông *H1* không đồng ý với việc tuyên huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 790726, do *UBND huyện K* cấp cho ông vào ngày 19/5/2011, đối với thửa đất số 01, tờ bản đồ số 12, bởi lẽ thửa đất này sau khi cha ông là *Nguyễn T5* chết thì các anh chị em trong gia đình đã đồng ý tặng cho ông, có đầy đủ chữ ký của các thành viên trong gia đình nên *Ủy ban nhân dân huyện K* cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là hợp pháp.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người bảo vệ quyền lợi cho bị đơn trình bày:

Diện tích thửa đất 81 ghi trên sổ sách chỉ có 4.820m^2, nay đo đạc thực tế là 6.001m^2, diện tích tăng thêm 1.181m^2 do công sức của ông H1 khai hoang nên phần diện tích tăng thêm này không phải là di sản thừa kế.

Tài sản trên đất là tài sản chung của vợ chồng ông H1, bà L2, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà L2 vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét các văn bản từ chối di sản của bà H và bà D.

Đề nghị huỷ bản án sơ thẩm để giải quyết lại, đồng thời đề nghị xem xét miễn án phí sơ, phúc thẩm cho ông H1 thuộc đối tượng là người tàn tật.

Người bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn trình bày:

Thửa đất 81 và thửa đất 01 có nguồn gốc của ông T5, bà L1 tạo lập và giao cho ông H1 canh tác. Đối với thửa đất số 01, việc lập thủ tục khai nhận di sản thừa kế không thể hiện ý chí của tất cả các đồng thừa kế nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là có căn cứ. Thửa đất số 81 có tứ cận ổn định từ trước đến nay nên việc ông H1 cho rằng khai hoang thêm 1.180m^2 là không có cơ sở; đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA VỤ ÁN

[1] Ông T5 và bà L1 có 08 người con chung là Nguyễn Thị D, Nguyễn Hữu G, Nguyễn Hữu T3, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị H, Nguyễn Hữu H8, Nguyễn Hữu H1; ông T5 còn có 01 người con riêng là bà Trần Thị K1. Ông T5 chết năm 2001 không để lại di chúc, như vậy người thừa kế di sản của ông T5 theo pháp luật thuộc hàng thừa kế thứ nhất là vợ và 09 người con của ông T5 (10 người).

[2] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thể hiện quyền sử dụng đất, đối với thửa đất số 01, tờ bản đồ số 02, diện tích 4.369m^2 và thửa đất số 81, tờ bản đồ số 04, diện tích 6.001m^2, tại thôn X, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk là tài sản chung của vợ chồng ông Nguyễn T5 và bà Lê Thị L1; quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 01, trị giá 2.398.000.000đ; quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 81, trị giá 2.114.000.000đ; ông Nguyễn T5 chết ngày 04/4/2001, không để lại di chúc và để lại di sản trong khối tài sản chung với bà L1, là quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất nêu trên. Di sản ông T5 để lại trị giá (2.398.000.000đ + 2.114.000.000đ) : 2 = 2.256.000.000đ.

[3] Sau khi ông T5 chết, bà L1 xây dựng căn nhà cấp bốn trên thửa đất số 01, theo kết quả định giá trị giá căn nhà 97.212.000đ, đây là tài sản riêng của bà L1; gia đình ông Nguyễn Hữu H1 xây dựng tường rào và trồng các loại cây nông nghiệp trên thửa đất số 01 trị giá 390.901.000đ và trên thửa đất số 81 trị giá 888.610.000đ, đây là tài sản riêng của gia đình ông H1.

[4] Về việc UBND huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Hữu H1 đối với thửa đất số 01, tờ bản đồ 12 vào ngày 19/5/2011: những người thừa kế di sản ông T5 theo pháp luật thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm có vợ ông T5 là bà Lê Thị L1 và 09 người con của ông T5, UBND huyện K căn cứ vào văn bản của bà L1 và 02 người con của ông T5 là Nguyễn Hữu T3 và Nguyễn Hữu H8 về việc từ chối nhận di sản ông T5 để lại là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 01 để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Hữu H1 đối với thửa đất số 01 là không đúng quy định của pháp luật, vi phạm điểm c khoản 1 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003; hơn nữa, bà L1 là người mù chữ nên chữ viết, chữ ký của bà L1 trên văn bản từ chối nhận nhận di sản mà UBND xã P chứng thực ngày 03/3/2011 không phải là chữ viết, chữ ký của bà L1.

[5] Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của bà L1, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 790726 do UBND huyện K cấp cho ông H1 vào ngày 19/5/2011 đối với thửa đất số 01, tờ bản đồ số 12 và chia di sản ông T5 để lại là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 01 và thửa đất số 81 cho những người thừa kế theo pháp luật là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, kháng cáo của ông H1 cho rằng sau khi cha ông là Nguyễn T5 chết các anh chị em trong gia đình đã đồng ý tặng di sản cho ông, có đầy đủ chữ ký của các thành viên trong gia đình là không đúng nên không có cơ sở chấp nhận.

[6] Về định giá tài sản: ngày 11/01/2022, Hội đồng định giá tài sản tiến hành định giá quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất mà các đương sự có tranh chấp. Tại Biên bản định giá ghi ý kiến của ông H1 không đồng ý với kết quả định giá tài sản tại buổi thẩm định ngày 11/02/2022, tuy nhiên sau đó ông H1 không có đơn khiếu nại về kết quả định giá trình bày ông không đồng ý với nội dung cụ thể nào của biên bản định giá và cũng không có đơn yêu cầu định giá lại. Xét việc định giá của Hội đồng định giá thực hiện theo đúng qui định tại Điều 104 Bộ luật Tố tụng dân sự, quyền sử dụng đất được định giá theo giá thị trường và các vật kiến trúc, tài sản trên đất được định giá theo qui định của UBND tỉnh Đ về đơn giá bồi thường tài sản, cây trồng, vật kiến trúc trên đất khi Nhà nước thu hồi

đất. Do đó, không có căn cứ cho rằng kết quả định giá này không chính xác hoặc không phù hợp với giá thị trường nên kháng cáo của ông H1 cho rằng mức giá mà Hội đồng định giá áp dụng với tài sản trên đất của ông là thấp so với số vốn ông đã bỏ ra để tạo dựng là không có căn cứ chấp nhận.

[7] Về thửa đất 81, ông H1 cho rằng diện tích chênh lệch 1.181m^2 do ông khai hoang nhưng không có tài liệu chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận. Thửa đất 81 có tứ cận, ranh giới không thay đổi trong quá trình sử dụng đất nên có thể có sự chênh lệch diện tích giữa số liệu đo đạc thực tế so với số liệu ghi trên giấy tờ.

[8] Tài sản trên đất của gia đình ông H1 là tài sản chung của vợ chồng ông H1, bà L2. Ngày 27/5/2021, bà Nguyễn Thị L2 có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà L2 vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là thiếu sót nhưng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn đề nghị huỷ bản án sơ thẩm là không có cơ sở chấp nhận.

[9] Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo nên không xét, giữ nguyên.

[10] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H1 là người tàn tật có đơn đề nghị miễn án phí nên theo qui định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử xét miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho ông H1.

[11] Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông *Nguyễn Hữu H1*, giữ nguyên bản án sơ thẩm ngoại trừ phần miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông *H1*.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Hữu H1;
2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 09/02/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk (ngoại trừ phần án phí dân sự sơ thẩm).
3. Án phí sơ thẩm:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Lê Thị L1 và bà Nguyễn Thị D; bà D được nhận lại 1.250.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên số 60AA/2021/0002804 ngày 11/05/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Năng.

Bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị H mỗi người phải chịu 10.254.500đ án phí dân sự sơ thẩm; Bà T được khấu trừ 1.250.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 60AA/2021/0002807 ngày 11/05/2021; Bà K được khấu trừ 1.250.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 60AA/2021/0002805 ngày 11/05/2021; Bà H được khấu trừ 1.250.000đ tiền tạm

ứng án phí đã nộp tại biên lai số 60AA/2021/0002806 ngày 11/05/2021; Bà T, bà K và bà H, mỗi người còn phải nộp 9.004.500đ tiền án phí.

Ông Nguyễn Hữu H1 được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Thị K1 phải chịu 10.254.500đ án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị H2; ông Nguyễn Hữu C; ông Nguyễn Hữu L mỗi người phải chịu 3.418.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Hữu T3 phải chịu 10.254.500đ án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Bà Đoàn Thị H4, anh Nguyễn Hữu H5, anh Nguyễn Hữu H6 và anh Nguyễn Hữu H7 mỗi người phải chịu 2.051.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

1. Án phí phúc thẩm:

Ông Nguyễn Hữu H1 được miễn án phí dân sự phúc thẩm; hoàn trả ông H1 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2022/0000791 ngày 14/3/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Tự